TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 154/2023/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 24 tháng 07 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 222/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 07 năm 2023 về xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Quàng Thị C, sinh năm 1992. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Bản C S, xã Chiềng Mai, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1995. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản C, S, xã Chiềng Mai, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điểm đ khoản 1 Điều 12 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 07 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 07 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Quàng Thị C và anh Nguyễn Đức N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Chị Quàng Thị C và anh Nguyễn Đức N nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Chị C và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng

Bảo V, sinh ngày 01/12/2016. Anh chị thỏa thuận thống nhất: anh Nguyễn Đức N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Bảo V cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Chấp nhận việc anh Nghĩa không đề nghị chị C cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Sau khi ly hôn, chị C được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản chị C thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị C và anh N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

d. Về án phí: Chị C được miễn án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Mai, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Nga